

DOI: 10.58490/ctump.2024i81.3047

SỰ HÀI LÒNG CỦA HỌC VIÊN CHUYÊN KHOA 1 ĐIỀU DƯỠNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Dương Thị Thùy Trang*, Nguyễn Thị Ngọc Hân, Nguyễn Văn Tuấn,
Lư Trí Diễn, Phạm Thị Bé Kiều

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: dttrang@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 11/8/2024

Ngày phản biện: 17/10/2024

Ngày duyệt đăng: 25/10/2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Đánh giá sự hài lòng của người học về chương trình đào tạo là một khía cạnh quan trọng trong việc duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên việc nghiên cứu về sự hài lòng của học viên về chương trình đào tạo vẫn chưa được thực hiện một cách toàn diện và chặt chẽ tại nhiều trường đào tạo Chuyên khoa 1 ngành điều dưỡng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Tìm hiểu mức độ hài lòng của học viên về chương trình đào tạo Chuyên khoa 1 Điều dưỡng và xác định một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** cắt ngang mô tả trên 223 học viên Chuyên khoa 1 điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm học 2023-2024. **Kết quả:** Mức độ hài lòng chung của học viên về chương trình đào tạo ở mức cao (điểm trung bình là $4,18 \pm 0,37$). Điểm hài lòng cao nhất là “Giảng dạy trên lớp” ($4,26 \pm 0,45$), kế đến là “Hỗ trợ và tài nguyên học tập” ($4,22 \pm 0,46$), “Thiết kế và phân phối chương trình” ($4,13 \pm 0,47$), thấp nhất là Giảng dạy lâm sàng ($4,11 \pm 0,44$). Có mối liên quan giữa ý nghĩa thống kê giữa sự hài lòng về chương trình đào tạo với năm của chương trình học và kết quả học tập của học viên. **Kết luận:** Sự hài lòng của học viên về chương trình đào tạo được xếp ở mức cao. Các cơ sở giáo dục cần chú trọng đầu tư vào chất lượng giảng viên, phương pháp giảng dạy tích cực, cơ sở vật chất, đặc biệt nâng cao chất lượng giảng dạy lâm sàng để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người học.

Từ khóa: sự hài lòng, chương trình đào tạo, học viên, điều dưỡng.

ABSTRACT

SPECIALIST LEVEL 1 NURSING STUDENTS SATISFACTION REGARDING THEIR ACADEMIC PROGRAMS AND ASSOCIATED FACTORS

Duong Thi Thuy Trang*, Nguyen Thi Ngoc Han, Nguyen Van Tuan,
Lu Tri Dien, Pham Thi Be Kieu

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Evaluating student academic satisfaction is a crucial aspect of improving and maintaining educational quality. However, comprehensive and rigorous research on specialist level 1 nursing students' satisfaction with their programs remains limited in many nursing institutions. **Objectives:** To assess the level of satisfaction among specialist level 1 nursing students with their academic programs and to explore associated factors. **Material and method:** A cross-sectional study design was conducted on 223 specialty 1 nursing students studying at Can Tho University of Medicine and Pharmacy, academic year 2023-2024. **Results:** Students reported high satisfaction with their program (4.18 ± 0.37). The highest satisfaction scores were for "In-class Teaching" (4.26 ± 0.45), followed by "Support and Resources" (4.22 ± 0.46), "The Program" (4.13 ± 0.47), and the lowest for "Clinical Teaching" (4.11 ± 0.44). There was a statistically significant correlation between satisfaction with the program and year level and students' academic outcomes. **Conclusion:** Specialist level 1 nursing students' satisfaction with the academic program is notably high. Higher institutions should

focus on investing in quality lecturers, active teaching methods, infrastructure, especially improving the quality of clinical teaching and learning to meet the increasing demands of learners.

Keywords: satisfaction, program satisfaction, specialist level 1 nursing student.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự hài lòng của người học về chương trình đào tạo (CTĐT) là một khía cạnh quan trọng trong việc duy trì và nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục, bao gồm giáo dục đại học [1]. Mức độ hài lòng cao của người học có thể nâng cao uy tín và danh tiếng của cơ sở giáo dục, góp phần tăng tỷ lệ tuyển sinh. Những phản hồi từ sự hài lòng của người học giúp các cơ sở giáo dục nhận ra những điểm mạnh và yếu trong CTĐT cũng như trong các dịch vụ hỗ trợ học tập. Bên cạnh đó, mức độ hài lòng của người học có ảnh hưởng lớn đến hiệu suất học tập và sự phát triển của họ. Người học hài lòng thường có động cơ học tập cao hơn, tham gia tích cực vào quá trình học tập, và thể hiện kết quả học tốt hơn. Sự hài lòng giúp người học duy trì sự cam kết và sự tự tiến bộ trong việc hoàn thành CTĐT, từ đó tối ưu hóa hiệu suất học tập [2], [3]. Ngược lại, sự bất mãn và không hài lòng có thể dẫn đến tình trạng thất bại trong học tập, tăng tỷ lệ bỏ học, trầm cảm và sự phát triển nghề nghiệp không ổn định [4].

Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật y học, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ bắt đầu đào tạo chuyên khoa 1 (CK1) Điều dưỡng từ năm 2012. Từ năm 2018, các mã ngành sau đại học của nhà trường được chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ, trong đó có chuyên ngành CK1 Điều dưỡng. Kể từ năm học 2022 – 2023, Khoa đã áp dụng khung CTĐT mới được rà soát, cập nhật và thay đổi số tín chỉ đào tạo. Vì vậy, nhóm nghiên cứu cho rằng việc đánh giá sự hài lòng của học viên đối với CTĐT CK1 Điều dưỡng là rất cần thiết cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học để đưa ra những khuyến nghị, thay đổi trong đợt rà soát, chỉnh sửa mục tiêu, nội dung CTĐT trong thời gian tới. Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu: 1) Xác định mức độ hài lòng của học viên về CTĐT CK1 Điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm học 2023 - 2024. 2) Xác định một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của học viên về CTĐT CK1 Điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Học viên CK1 Điều dưỡng đang học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm học 2023-2024.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Học viên CK1 Điều dưỡng năm thứ nhất và năm thứ hai của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ; đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** học viên không thể hoàn thành câu hỏi nghiên cứu trong thời gian thu thập số liệu (tạm nghỉ học, bệnh, lý do cá nhân khác).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Cắt ngang mô tả.

- **Cỡ mẫu:** Được tính theo công thức ước lượng một tỷ lệ, chọn $p = 0,5$ để cỡ mẫu được lớn nhất, d (sai số cho phép) $= 0,07$. Tính được cỡ mẫu tối thiểu cần thiết là 196 mẫu.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu toàn bộ học viên CK1 Điều dưỡng năm thứ nhất và năm thứ 2 trong năm học 2023 - 2024; đồng ý tham gia nghiên cứu. Số lượng học viên CK1 Điều dưỡng là 259. Thực tế chúng tôi thu được 223 mẫu (đạt tỷ lệ 89,6%).

- Nội dung nghiên cứu:

a. *Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu:* Tuổi, giới tính, tình trạng hôn nhân, năm của chương trình học, thâm niên công tác, nơi công tác.

b. *Mức độ hài lòng về chương trình đào tạo:* Được đánh giá bằng thang đo “Mức độ hài lòng trong học tập của sinh viên điều dưỡng” (UNSASS – Undergraduate Nursing Students Academic Satisfaction Scale) của tác giả Dennison và El-Masri (2012) [5]. Bộ câu hỏi có nguồn gốc từ tiếng Anh, tuy nhiên nhóm nghiên cứu tại Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch đã tiến hành dịch và thực hiện nghiên cứu trên sinh viên điều dưỡng năm 2023 với hệ số Cronbach’s alpha là 0,95 và chỉ số giá trị nội dung (Content validity index) là 0,83 [6]. Theo Nguyễn Quân (2023) và El Seesy (2021), bộ câu hỏi UNSASS có thể được sử dụng để đánh giá sự hài lòng của học viên sau đại học về chương trình đào tạo [6], [7].

Bộ câu hỏi có 48 câu, gồm 4 phần: Giảng dạy trên lớp (16 câu); Giảng dạy lâm sàng (15 câu); Thiết kế và phân bố chương trình đào tạo (12 câu); Hỗ trợ và tài nguyên học tập (5 câu). Mỗi câu trả lời dựa trên thang đo Likert 5 mức độ từ “Rất không đồng ý” đến “Rất đồng ý”. Điểm hài lòng chung được tính bằng cách lấy trung bình tổng điểm số phản hồi của các câu, có giá trị trung bình từ 1 - 5 điểm. Điểm số càng cao ghi nhận mức độ hài lòng càng nhiều. Điểm hài lòng chung sau đó sẽ được phân chia thành 3 mức độ hài lòng: thấp (từ 1 – 2,33 điểm); trung bình (từ 2,34 - 3,67 điểm); cao (từ 3,68 - 5 điểm).

c. *Yếu tố liên quan sự hài lòng của học viên về CTĐT:* Phân tích mối liên quan giữa sự hài lòng về CTĐT với một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Trực tiếp và online qua Jotform.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Sử dụng phần mềm thống kê SPSS 26.0. Thống kê mô tả được sử dụng để mô tả đặc điểm chung của học viên. Thống kê phân tích (kiểm định t-test, ANOVA và tương quan Pearson, mức ý nghĩa $p < 0,05$) được sử dụng để kiểm định mối liên quan giữa sự hài lòng về CTĐT với đặc điểm của học viên.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu này đã được thông qua Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Trường ĐHYDCT (Số: 20.045.GV/PCT-HĐĐĐ ngày 25/12/2023).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 223)

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ (%)
Tuổi		(39,9 ± 4,9*; GTNN - GTLN: 27- 57)	
Thâm niên công tác		(16,8 ± 4,8*; GTNN - GTLN: 5 - 37)	
Giới tính	Nam	51	22,9
	Nữ	172	77,1
Năm của chương trình học	Năm thứ nhất	94	42,2
	Năm thứ hai	129	57,8
Kết quả học tập học kỳ gần nhất	Giỏi	42	18,8
	Khá	155	69,5
	Trung bình	26	11,7
Nơi công tác	Bệnh viện	188	84,4
	Trung tâm Y tế	29	13
	Trường Cao đẳng, Đại học	3	1,3
	Sở Y tế	3	1,3

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 81/2024

Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ (%)
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	22	9,9
	Đã kết hôn	201	90,1

**Trung bình $\pm$ Độ lệch chuẩn*

Nhận xét: Tuổi trung bình của học viên là $39,9 \pm 4,9$. Thâm niên công tác trung bình là $16,8 \pm 4,8$ năm. Có 77,1% ĐTNC là nữ. Số lượng học viên năm thứ 2 chiếm đa số (57,8%). 68,5% học viên có kết quả học tập ở mức khá; 84,3% có nơi công tác ở bệnh viện.

3.2. Mức độ hài lòng của học viên về CTĐT

Bảng 2. Mức độ hài lòng của học viên về chương trình đào tạo

Sự hài lòng	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ
Giảng dạy trên lớp	4,26	0,45	Cao
Giảng dạy lâm sàng	4,11	0,44	Cao
Thiết kế và phân phối chương trình	4,13	0,47	Cao
Hỗ trợ và tài nguyên học tập	4,22	0,46	Cao
Tổng điểm hài lòng chung	4,18	0,37	Cao

Nhận xét: Mức độ hài lòng về CTĐT ở mức độ cao ($4,18 \pm 0,37$). Trong đó, vấn đề Giảng dạy trên lớp có điểm trung bình cao nhất, thấp nhất là vấn đề Giảng dạy lâm sàng.

3.3. Các yếu tố liên quan đến sự hài lòng của học viên về CTĐT

Kết quả nghiên cứu ghi nhận không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa sự hài lòng chung về CTĐT với tuổi, giới tính và thâm niên công tác của học viên.

Bảng 3. Mối liên quan giữa sự hài lòng về CTĐT và năm đào tạo

Năm đào tạo	Giảng dạy lý thuyết	Giảng dạy lâm sàng	Phân phối chương trình	Hỗ trợ tài nguyên	Hài lòng chung
Năm 1 (n = 94)	$4,21 \pm 0,52$	$4,15 \pm 0,45$	$4,06 \pm 0,49$	$4,24 \pm 0,46$	$4,16 \pm 0,41$
Năm 2 (n = 129)	$4,28 \pm 0,39$	$4,09 \pm 0,44$	$4,19 \pm 0,46$	$4,21 \pm 0,46$	$4,20 \pm 0,37$
Hệ số t	-1,176	0,983	-1,975 ^t	0,428	-0,688
Giá trị p	0,241	0,326	0,049	0,669	0,492

Nhận xét: Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa sự hài lòng về vấn đề Thiết kế và phân phối chương trình với năm đào tạo ($t = -1,975$, $p = 0,049$).

Bảng 4. Mối liên quan sự hài lòng về CTĐT và kết quả học tập

Kết quả học tập	Giảng dạy lý thuyết	Giảng dạy lâm sàng	Phân phối chương trình	Hỗ trợ tài nguyên	Hài lòng chung
Giỏi ¹ (n = 42)	$4,27 \pm 0,51$	$4,12 \pm 0,52$	$4,13 \pm 0,44$	$4,17 \pm 0,51$	$4,18 \pm 0,39$
Khá ² (n = 155)	$4,30 \pm 0,39$	$4,13 \pm 0,42$	$4,17 \pm 0,48$	$4,24 \pm 0,47$	$4,21 \pm 0,35$
Trung bình ³ (n = 26)	$3,96 \pm 0,56$	$3,97 \pm 0,43$	$3,93 \pm 0,47$	$4,17 \pm 0,36$	$3,98 \pm 0,40$
Hệ số F	4,559	1,347	2,679	0,691	4,385
Giá trị p	0,015 (2>3)	0,262	0,041	0,505	0,014 (2 > 3)

Nhận xét: Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa sự hài lòng chung về CTĐT và kết quả học tập của học viên ($F = 4,385$, $p = 0,014$); trong đó có mối liên quan có ý

nghĩa thông kê giữa kết quả học tập và yếu tố Giảng dạy trên lớp và Thiết kế và phân phối chương trình.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Mức độ hài lòng của học viên về CTĐT CK1 Điều dưỡng

Kết quả từ bảng 2 cho thấy mức độ hài lòng của học viên về CTĐT ở mức cao (điểm trung bình là $4,18 \pm 0,37$). Điểm hài lòng cao nhất là “Giảng dạy trên lớp” ($4,26 \pm 0,45$), kế đến là “Hỗ trợ và tài nguyên học tập” ($4,22 \pm 0,46$), “Thiết kế và phân phối chương trình” ($4,13 \pm 0,47$), thấp nhất là Giảng dạy lâm sàng ($4,11 \pm 0,44$). Kết quả này khác với nghiên cứu của Nguyễn Quân (2023): “Giảng dạy lâm sàng” có điểm hài lòng cao nhất; điểm hài lòng thấp nhất thuộc về “Giảng dạy trên lớp”. Sự khác nhau này có thể lý giải do địa điểm nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu và chương trình đào tạo khác nhau. Nghiên cứu của Nguyễn Quân khảo sát sự hài lòng của sinh viên Cử nhân điều dưỡng về CTĐT tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, kết quả nghiên cứu có đề cập việc giảng bài suông là một điều khá phổ biến và do đó, SV phải cố gắng hiểu các tài liệu học tập một cách độc lập mà không dám bày tỏ với Giảng viên [6].

Ngược lại, trong nghiên cứu này, “Giảng dạy trên lớp” được học viên đánh giá cao nhất. Lớp học lý thuyết cho đối tượng học viên sau đại học thường được tổ chức khác với lớp học chính quy. Hoạt động thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề diễn ra chủ yếu và hầu như trong mỗi buổi học. Bên cạnh đó, Giảng viên thường lồng ghép các ca bệnh lâm sàng và tình huống cụ thể giúp học viên thảo luận dựa trên kinh nghiệm của họ từ đó phát triển tư duy phản biện. Ngoài ra, số lượng người học trong lớp không quá đông, đảm bảo sự tương tác trực tiếp giữa Giảng viên – học viên và giữa học viên – học viên. Trong một số học phần, học viên còn được yêu cầu tìm bằng chứng từ các bài báo và tạp chí để bảo vệ quan điểm của mình. Học viên là trung tâm của quá trình dạy học, đảm bảo họ tự chủ và tích cực trong việc tiếp thu kiến thức.

Giảng dạy lâm sàng là yếu tố trung tâm trong giáo dục điều dưỡng, có vai trò quan trọng trong việc phát triển kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và lâm sàng [8], [9]. Một điều bất ngờ là sự hài lòng của học viên về giảng dạy lâm sàng có điểm trung bình thấp nhất ($4,11 \pm 0,44$). Nội dung “Giảng viên lâm sàng xem sai sót của tôi là một phần tự nhiên của quá trình học” và “GVLS dẫn đầy đủ cho tôi trước khi tôi thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng” là những nội dung ít được hài lòng nhất (điểm trung bình lần lượt là 3,83 và 3,87). Điều này có thể xuất phát từ kỳ vọng cao của GV đối với học viên. Học viên CK1 thường là những người đã có kinh nghiệm thực tế trong môi trường lâm sàng trước khi tham gia CTĐT chuyên khoa. Điều này dẫn đến việc GV có thể đặt kỳ vọng cao hơn đối với họ so với các sinh viên chính quy. Khi học viên không đạt được những kỳ vọng này, họ có thể nhận được phản hồi khắt khe hơn, dẫn đến cảm giác áp lực, không có cơ hội để học hỏi từ sai lầm, từ đó làm giảm sự hài lòng của họ với quá trình hướng dẫn lâm sàng. Tóm lại, mức độ hài lòng thấp trong hai nội dung này phản ánh một thực tế rằng mặc dù học viên CK1 đã có nhiều kinh nghiệm lâm sàng, họ vẫn cần sự hỗ trợ, hướng dẫn và sự chấp nhận sai sót từ giảng viên. Việc giảng viên đặt kỳ vọng quá cao và thiếu sự hỗ trợ cần thiết có thể dẫn đến áp lực và giảm sự hài lòng của học viên đối với quá trình học tập lâm sàng.

Mặc dù giảng dạy lâm sàng có tổng điểm trung bình thấp nhất nhưng nó vẫn được xếp ở mức độ hài lòng cao. Trình độ chuyên môn, tác phong của giảng viên và sự khuyến khích, tạo động lực cho người học là những khía cạnh có điểm hài lòng cao. Kết quả này giống với các nghiên cứu của Đỗ Thị Hà (2023) 94,2% học viên CK1 có nhận thức tích cực

về môi trường lâm sàng [10]. Chúng tôi nhận thấy sự hài lòng của học viên CK1 về môi trường lâm sàng cao hơn so với sinh viên chính quy. Theo Enyew Belay (2024), mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng ở một số nước châu Á dao động từ 50 – 84,5%, từ 42 – 89% ở Châu Âu, thấp nhất là khu vực châu Phi từ 54,8 – 65,5% [11]. Sự khác nhau này có thể được lý giải dưới nhiều góc độ khác nhau, bao gồm kinh nghiệm thực tập của học viên, sự quen thuộc với môi trường lâm sàng và chất lượng giảng viên.

4.2. Các yếu tố liên quan đến sự hài lòng của học viên về CTĐT CK1 Điều dưỡng

Kết quả nghiên cứu ghi nhận không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa sự hài lòng chung về CTĐT với tuổi, giới tính và thâm niên công tác của học viên. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Salamonson và El Seesy [11], [12] nhưng khác với nghiên cứu của Ramos, mức độ hài lòng trung bình khác nhau giữa sinh viên trẻ (<25 tuổi, trung bình 3,70) và sinh viên lớn tuổi hơn (>25 tuổi, trung bình 3,46, $p = 0,025$) (13).

Có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa sự hài lòng về vấn đề Thiết kế và phân phối chương trình với năm đào tạo ($t = -1,975$, $p = 0,049$). Cụ thể, học viên CK1 điều dưỡng năm thứ 2 có điểm số hài lòng về CTĐT cao hơn học viên năm thứ 1 gấp 1,9 lần. Chương trình CK1 Điều dưỡng được thiết kế học 2 học kỳ đầu tiên là các môn chung, môn cơ sở và hỗ trợ. Từ học kỳ thứ 3, người học sẽ học các môn lâm sàng nhiều hơn, các môn học có ích cho quá trình phát triển lâm sàng và nghề nghiệp hơn. Điều này có thể giải thích được kết quả học viên năm thứ 2 được trải nghiệm, học tập với chương trình nhiều hơn nên có sự hài lòng cao hơn.

Kết quả từ bảng 4 cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa sự hài lòng chung về CTĐT và kết quả học tập của học viên ($F = 4,385$, $p = 0,014$). Cụ thể, học viên có thành tích học tập khá có điểm hài lòng cao gấp 4,38 lần những học viên có kết quả học tập trung bình. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Salomonson (2015) điểm số về thành tích học tập có giá trị tiên đoán sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng [12]. Ngược lại, theo Rossini (2021), người học có mức độ hài lòng cao về chương trình đào tạo có nỗ lực và động lực học tập tốt hơn nhóm học viên còn lại, dẫn đến tham gia tích cực vào quá trình học tập, và thể hiện kết quả học tốt hơn [13]. Chúng tôi nhận thấy mối quan hệ giữa thành tích học tập và sự hài lòng về CTĐT là mối quan hệ 2 chiều, gắn liền nhau. Cần có thêm nhiều nghiên cứu để xác định mối quan hệ nhân quả giữa các khái niệm này.

V. KẾT LUẬN

Mức độ hài lòng của học viên về CTĐT CK1 Điều dưỡng tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được xếp ở mức cao. Để có thể duy trì và nâng cao sự hài lòng của học viên nhà trường cần tiếp tục đầu tư vào chất lượng giảng viên, phương pháp giảng dạy tích cực, cơ sở vật chất, đặc biệt nâng cao chất lượng giảng dạy lâm sàng để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cant, R., Gazula, S., & Ryan, C. Predictors of nursing student satisfaction as a key quality indicator of tertiary students' education experience: An integrative review. *Nurse Education Today*. 2023. 126, 105806, doi: 10.1016/j.nedt.2023.105806.
2. Wong, W. H., & Chapman, E. Student satisfaction and interaction in higher education. *Higher Education*. 2023. 85(5), 957-978, doi: 10.1007/s10734-022-00874-0.

3. Al Sebaee H, Abdelaziz E, Aziz A, Mohamed N. Relationship between Nursing Students' Clinical Placement Satisfaction, Academic Self-Efficacy and Achievement. *Journal of Nursing and Health Science*. 2019. 6(2), 101-112, doi: 10.9790/1959-060203101112.
 4. Rossini, S., Mazzotta, R., Kangasniemi, M., Badolamenti, S., Macale, L., et al. Measuring academic satisfaction in nursing students: a systematic review of the instruments. *International Journal of Nursing Education Scholarship*. 2022. 19(1), 20210159, doi: 10.1515/ijnes-2021-0159.
 5. Dennison S, El-Masri MM. Development and psychometric assessment of the undergraduate nursing student academic satisfaction scale (UNSASS). *Journal of nursing measurement*. 2012. 20(2), 75-89, doi: 10.1891/1061-3749.20.2.75.
 6. Nguyễn Quân, Đặng Trần Ngọc Thanh, Trần Thụy Khánh Linh. Sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng về chương trình đào tạo tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*. 2023. 6(1), 34-47, doi: 10.54436/jns.2023.05.657.
 7. Younas A, Essa CD, Batool SI, Ali N, Albert JS. Struggles and adaptive strategies of prelicensure nursing students during first clinical experience: A metasynthesis. *Journal of Professional Nursing*. 2022. 42, 89-105, doi: 10.1016/j.profnurs.2022.06.006.
 8. Amini A, Bayat R, Amini K. Barriers to Clinical Education from the Perspective of Nursing Students in Iran: An Integrative Review. *Archives of Pharmacy Practice*. 2021. 11(S1), 73-79.
 9. Đỗ Thị Hà, Lâm Thị Thu Tâm, Lê Văn Tĩnh, Lê Thị Bích Thủy. Khảo sát nhận thức của học viên sau đại học ngành điều dưỡng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về môi trường học tập lâm sàng. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2023. 524(2), 279-83, doi: 10.51298/vmj.v524i2.4876.
 10. Enyew Belay A, Tesfaye Tegegne E, Kebede Shitu A, Enyew Belay K, Gashaw Belayneh A. Satisfaction towards clinical learning environment and its associated factors among undergraduate nursing students at public universities in Northwest Ethiopia, 2022. A multi-center cross-sectional study. *International Journal of Africa Nursing Sciences*. 2024. 20, 100666, doi: 10.1016/j.ijans.2024.100666.
 11. El Seesy NAEAM, Banakhar M, Kandil FSAEF. Nursing students' satisfaction with the academic program: A cross sectional study. *International Journal of Advanced Applied Sciences*. 2021. 8(11), 50-57, doi: 10.21833/ijaas.2021.11.007.
 12. Salamonson Y, Metcalfe L, Alexandrou E, Cotton AH, McNally S, Murphy J, et al. Measuring final-year nursing students' satisfaction with the viva assessment. *Nurse Education Practice*. 2015. 16(1), 91-96, doi:10.1016/j.nepr.2015.09.003.
 13. Rossini S, Bulfone G, Vellone E, Alvaro R. Nursing students' satisfaction with the curriculum: An integrative review. *Journal of Professional Nursing*. 2021. 37(3), 648-661, doi: 10.1016/j.profnurs.2021.02.003.
-